

Số: 3853 /BC-SYT

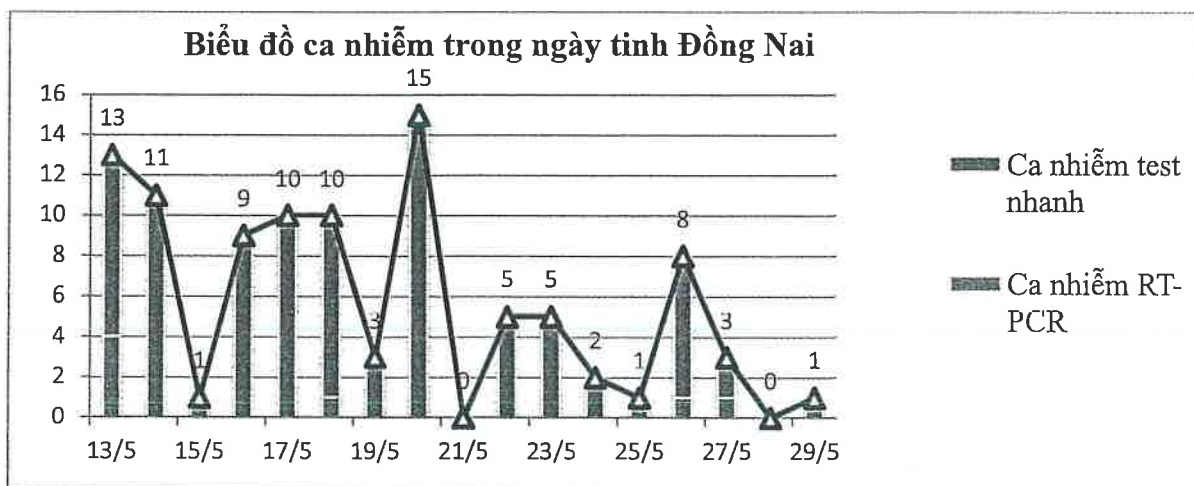
Đồng Nai, ngày 31 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 29/5/2022

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

T T	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế		
		RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh	Tổng số ca bệnh
1	Biên Hòa	1	0	0	1	0	1	51.096	104.867	155.963
2	Nhon Trạch	0	0	0	0	0	0	19.379	42.493	61.872
3	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	13.946	25.322	39.268
4	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	9.695	24.830	34.525
5	Long Thành	0	0	0	0	0	0	4.090	23.022	27.112
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	2.102	16.052	18.154
7	Định Quán	0	0	0	0	0	0	1.096	16.872	17.968
8	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	1.074	16.002	17.076
9	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	773	15.561	16.334
10	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	1.346	14.157	15.503
11	Long Khánh	0	0	0	0	0	0	1.682	13.601	15.283
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0	403
Tổng số		1	0	0	1	0	1	106.682	312.779	419.461

* Triển khai Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.

**Nhận xét:**

- Trong ngày ghi nhận 01 ca mắc COVID-19 mới.
- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.461 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Công tác y tế**1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:**

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	00	00	44.104	44.104
Cách ly tại nhà	00	29	385.028	385.057
Theo dõi sức khỏe	00	00	51.981	51.981

Giải thể các cơ sở cách ly tập trung, duy trì các cơ sở thu dung người mắc COVID-19 tại các huyện, thành phố phục vụ người dân không đủ điều kiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị**2.1. Tình hình điều trị**

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	01	17	11	417.474	00	1.963	02
Tỉ lệ		0,01%		99,53%		0,47%	14,81%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 02 ca (trong đó có 02 ca thở oxy qua mask)
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 15 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm lũy kế: **0,47%**
- Số ca tử vong/100.000 dân/tuần: **0**
- Tỉ lệ tử vong/ tổng số ca điều trị/tuần: **0**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	4	320
Tầng 2	3.821	0	3.821
Tầng 1	5.544	0	5.544

Số ca bệnh chuyên nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	0	6	166.972	167.088
2	Long Khánh	0	0	13.953	13.953
3	Vĩnh Cửu	0	1	29.514	29.538
4	Định Quán	0	0	17.865	17.865
5	Tân Phú	0	2	16.042	16.053
6	Trảng Bom	0	0	13.860	13.862
7	Thống Nhất	0	0	16.432	16.439
8	Xuân Lộc	0	0	13.707	13.718
9	Cẩm Mỹ	0	1	15.452	15.454
10	Long Thành	0	5	34.853	34.858
11	Nhơn Trạch	0	0	42.492	42.493
	Tổng	0	15	381.142	381.321

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 29/5/2022)

- Được sự chấp thuận của UBND tỉnh tại văn bản số 4595/UBND-KGVX ngày 12/5/2022, Sở Y tế triển khai Kế hoạch số 3377/KH-SYT ngày 06/5/2022 của Sở Y tế về việc phân bổ sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh đợt 40.

- Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.570.177 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 107,82% ; Mũi 2: 100,32%; Mũi 3: 51,83%; Mũi 4: 0,13%.**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 65,26%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 97,49%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 50,33%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	37	00	2.325.000	317.907
RT-PCR mẫu đơn	32	01	2.147.422	282.872
RT-PCR mẫu gộp	00	00	383.886	35.212
Lượt người thực hiện PCR	32	01	3.974.116	282.872

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 00 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Duy trì hoạt động hiệu quả các Trạm Y tế lưu động tại địa phương và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 01 ca mắc COVID-19 mới. Trên địa bàn tỉnh đang theo dõi 17 ca mắc COVID-19 bao gồm 02 ca theo dõi tại cơ sở y tế, trong đó có 02 ca thở oxy qua mask.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.461 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 107,82% ; Mũi 2: 100,32%; Mũi 3: 51,83%; Mũi 4: 0,13%.**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 65,26%
 - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 97,49%
 - + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 50,33%
 - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
 - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.
- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 21/5/2022: tỉnh Đồng Nai duy trì mức nguy cơ **Cấp độ 1 Bình thường mới**
- + Cấp huyện: tất cả 11/11 huyện, thành phố cấp độ 1;
 - + Cấp xã: tất cả 170/170 xã, phường cấp độ 1 .
- (Chi tiết tại Phụ lục 1)

b) Kiến nghị

- Các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện hiệu quả công thức 5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Đặc biệt chú trọng truyền thông về hiệu quả của việc tiêm vắc xin trong phòng chống dịch bệnh tăng sự đồng thuận của người dân.

- Triển khai Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai các hoạt động bảo vệ sức khỏe người dân giai đoạn hậu COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

Tổng cộng (tầng 2)	222	180	0	0	0	0	0	0	0	402	22	4653	0	0	0	0	0	0	0	230
TÀNG 1																				
TỔNG CỘNG (Tầng 1)	50	50	0	0	0	0	0	0	0	1533	20	19089	0	0	0	0	0	0	0	50
TỔNG TÀNG (3+2+1)	552	360	1	1	0	0	0	0	2	2270	1178	24309	0	0	2	0	0	0	1	290

Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 5 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 29/5/2022)



TT	Địa phương	Người từ 5 tuổi trở lên									
		Dân số từ 5 tuổi trở lên	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Mũi 4	Tỷ lệ mũi 4	
1	Biên Hòa	1.067.510	1.129.157	105,77%	1.086.922	101,82%	462.634	43,34%	282	0,03%	
2	Long Khánh	152.625	147.274	96,49%	137.783	90,28%	85.616	56,10%	0	0,00%	
3	Long Thành	237.381	258.935	109,08%	238.222	100,35%	134.017	56,46%	522	0,22%	
4	Nhon Trạch	283.931	273.762	96,42%	223.036	78,55%	126.741	44,64%	0	0,00%	
5	Thống Nhất	157.127	143.652	91,42%	133.249	84,80%	70.111	44,62%		0,00%	
6	Trảng Bom	278.411	332.681	119,49%	293.026	105,25%	172.692	62,03%	604	0,22%	
7	Vĩnh Cửu	152.991	174.691	114,18%	162.060	105,93%	96.089	62,81%	374	0,24%	
8	Xuân Lộc	211.134	222.511	105,39%	210.411	99,66%	114.649	54,30%	520	0,25%	
9	Cẩm Mỹ	116.034	129.826	111,89%	122.840	105,87%	80.028	68,97%	213	0,18%	
10	Định Quán	170.648	170.529	99,93%	168.627	98,82%	97.816	57,32%	285	0,17%	
11	Tân Phú	146.636	154.996	105,70%	143.731	98,02%	68.010	46,38%	150	0,10%	
	Đồng Nai	2.910.511	3.138.014	107,82%	2.919.907	100,32%	1.508.403	51,83%	3.853	0,13%	

**Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 29/5/2022)**

TT	Địa phương	Người từ 12 đến 17 tuổi							Người từ 5 đến 11 tuổi						
		Dân số 12-17	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Dân số 5-11	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2
1	Biên Hòa	93.343	46	90.652	97,12%	87.236	93,46%	3	0,00%	105.514	315	51.684	48,98%	12.522	11,87%
2	Long Khánh	15.495	0	15.495	100,00%	15.205	98,13%	16	0,10%	16.359	0	7.661	46,83%	1.229	7,51%
3	Long Thành	26.882	12	27.327	101,66%	25.250	93,93%	0	0,00%	24.808	0	11.468	46,23%	4.075	16,43%
4	Nhon Trạch	17.405	0	19.565	112,41%	16.941	97,33%	0	0,00%	22.771	0	10.442	45,86%	418	1,84%
5	Thống Nhất	14.905	0	15.760	105,74%	14.416	96,72%		0,00%	20.979	0	8.671	41,33%	2.748	13,10%
6	Trảng Borm	28.881	0	33.558	116,19%	33.772	116,94%	0	0,00%	28.821	0	19.893	69,02%	194	0,67%
7	Vĩnh Cửu	15.040	0	14.997	99,71%	14.577	96,92%	0	0,00%	16.802	0	9.483	56,44%	1.270	7,56%
8	Xuân Lộc	22.193	0	22.496	101,37%	21.787	98,17%	0	0,00%	26.661	0	10.779	40,43%	3.983	14,94%
9	Cẩm Mỹ	12.810	0	12.697	99,12%	12.158	94,91%	0	0,00%	13.841	0	6.932	50,08%	1.888	13,64%
10	Định Quán	20.291	0	20.272	99,91%	19.902	98,08%	0	0,00%	20.377	0	11.329	55,60%	3.976	19,51%
11	Tân Phú	17.908	0	17.191	96,00%	16.761	93,60%	0	0,00%	16.926	0	9.617	56,82%	2.699	15,95%
	Đồng Nai	285.153	58	290.010	101,70%	278.005	97,49%	19	0,01%	313.859	315	157.959	50,33%	35.002	11,15%